

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 5 -2024

v/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

Ông Nguyễn Nam Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thanh Thanh –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:
ông Tồn Đình Thống – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 523/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐHPT, ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Bích L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê N trình bày: Bà và ông Bích L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và sống với nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2017.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà bà Lê N. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Bích L hạnh phúc được khoảng thời gian đầu. Nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Bích L không lo làm ăn, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 8 năm 2023 thì ông Bích L dẫn con trở về nhà ông Bích L ở xã P sinh sống, mặc dù bà đã nhiều lần đến nhà ông Bích L để dẫn con về lại nhưng ông Bích L không cho. Từ đó đến nay bà Lê N và ông Bích L sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy đời sống hôn nhân đã không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với Bích L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bích Thị Ngọc Ngà – sinh ngày 03/10/2017, bà xin được nhận nuôi con, bà không yêu cầu ông Bích L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bích L: theo biên bản xác minh tại thôn L, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì ông Bích L có hộ khẩu tại thôn L, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Bích L theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Bích L từ chối nhận văn bản và cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Bích L không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn ông Bích L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS; các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều

81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà Lê N đối với ông Bích L; bà Nguyệt được ly hôn với ông Bích L.

- Giao cho bà Lê N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bích Thị Ngọc Ngà cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bích L, do đó đây là vụ án “Ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Bích L có nơi cư trú tại thôn L, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Bích L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Bích L theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Lê N và ông Bích L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận vào năm 2017 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Lê N trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Bích L không lo làm ăn, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng. Từ tháng 8/2023, ông Bích L dẫn con về nhà ông Bích L ở thôn L, xã P, huyện Tuy Phong từ đó đến nay bà và ông Bích L sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Bích L không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Bích L không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Lê N.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê N và ông Bích L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm

bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê N.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Bích Thị Ngọc Nga – sinh ngày 03/10/2017, bà Lê N xin nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tuy hiện nay con chung đang sống với ông Bích L nhưng từ khi giải quyết vụ án cho đến ngày xét xử ông Bích L không có ý kiến gì đối với con chung. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung của bà Lê N.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Lê N là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê N đối với ông Bích L.

Bà Lê N được ly hôn với ông Bích L.

3/ Về con chung: Giao 01 con chung Bích Thị Ngọc Nga – sinh ngày 03/10/2017 cho bà Lê N được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Bà Lê N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bích L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/Về án phí: bà Lê N phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Lê N đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại

biên lai thu số 0020150 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Lê N đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Mỹ Kỳ